|  |  |
| --- | --- |
|  **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC****VIỆT NAM**Số: /2017/TT-NHNN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày tháng năm 2017* |

# THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của của Thông tư 16/2012/TT-NHNN**

**ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng**

# *Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

# *Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

# *Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2012/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn một số điều của Nghị định 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng (sau đây gọi là Thông tư 16/2012/TT-NHNN).*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN như sau:**

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“**Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ**

 1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ (theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư này).

 2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và tài liệu chứng minh doanh nghiệp đã đăng ký hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ theo quy định của pháp luật.

 3. Văn bản hoặc tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp địa điểm sản xuất; bản kê khai về cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.”.

 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

 “**Điều 9. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng**

 1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng đối với doanh nghiệp bao gồm:

 a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo mẫu tại Phụ lục 2 Thông tư này);

 b) Danh sách các địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (trụ sở chính, chi nhánh, địa điểm kinh doanh);

 c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh và tài liệu chứng minh địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng theo danh sách tại điểm b khoản này đã được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

 d) Xác nhận của cơ quan thuế về số thuế đã nộp của hoạt động kinh doanh vàng trong 02 (hai) năm liền kề trước đó.

 2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng đối với tổ chức tín dụng bao gồm:

 a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo mẫu tại Phụ lục 3 Thông tư này);

 b) Danh sách các địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch);

 c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh và tài liệu chứng minh địa điểm đăng ký làm địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng theo danh sách tại điểm b khoản này đã được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.”.

3. Bổ sung Điều 9a sau Điều 9 như sau:

 “**Điều 9a. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng**

 1. Trường hợp thay đổi nội dung về thông tin doanh nghiệp trên Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng, hồ sơ gồm:

 a) Văn bản đề nghị thay đổi nội dung về thông tin doanh nghiệp trên Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng;

 b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

 2. Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng

 a) Đối với doanh nghiệp hồ sơ gồm:

 (i) Văn bản đề nghị thay đổi tên, địa chỉ của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo mẫu tại Phụ lục 3a Thông tư này);

 (ii) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh hoặc tài liệu chứng minh nội dung thay đổi của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng đã được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;

 b) Đối với tổ chức tín dụng hồ sơ gồm:

 (i) Văn bản đề nghị thay đổi tên, địa chỉ của địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo mẫu tại Phụ lục 3a Thông tư này);

 (ii) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (trường hợp thay đổi trụ sở chính); văn bản của tổ chức tín dụng báo cáo việc thay đổi tên phòng giao dịch.

 3. Trường hợp bổ sung địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng, hồ sơ gồm:

 a) Văn bản đề nghị bổ sung địa điểm kinh doanh mua, bán vàng miếng (theo mẫu tại Phụ lục 3b Thông tư này);

 b) Tài liệu chứng minh địa điểm kinh doanh đã được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

 4. Trường hợp đề nghị chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng tại địa điểm đã được cấp phép, hồ sơ gồm văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng tại địa điểm đã được cấp phép, trong đó nêu rõ lý do.”.

 4. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

 “**Điều 19. Trách nhiệm báo cáo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố**

 1. Định kỳ hàng quý, năm, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố tổng hợp báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Vụ Quản lý ngoại hối) tình hình quản lý hoạt động kinh doanh vàng trên địa bàn (theo mẫu tại Phụ lục 12 Thông tư này).

 2. Định kỳ hàng quý, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối) tình hình cấp, thu hồi, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ trong quý liền kề trước đó (theo mẫu tại Phụ lục 12a Thông tư này) kèm bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, Quyết định điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

 3. Định kỳ hàng quý, năm, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố tổng hợp báo cáo tình hình mua vàng nguyên liệu của các doanh nghiệp trên địa bàn trong quý liền kề trước đó gửi cơ quan quản lý thị trường, cơ quan quản lý thuế để phối hợp theo dõi, kiểm tra.

 4. Khi cấp Giấy phép nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ, khi cấp, điều chỉnh Giấy phép tạm nhập vàng nguyên liệu để tái xuất sản phẩm cho doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố gửi 01 (một) bản sao đến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Quản lý ngoại hối).

 5. Thời hạn nộp báo cáo định kỳ quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này như sau:

 a) Đối với báo cáo quý: ngày 20 (hai mươi) của tháng đầu tiên quý tiếp theo;

 b) Đối với báo cáo năm: ngày 20 (hai mươi) tháng 1 (một) của năm tiếp theo.”.

**Điều 2**

1. Bãi bỏ khoản 3 Điều 10 Thông tư 16/2012/TT-NHNN.

2. Thay đổi cụm từ “tháng báo cáo” bằng cụm từ “quý báo cáo” tại Phụ lục 12a của Thông tư 16/2012/TT-NHNN.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm .

2. Thông tư này bãi bỏ khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 19 Điều 1 và Phụ lục 1a Thông tư 38/2015/TT-NHNN sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 16/2012/TT-NHNN.

3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh vàng có trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như khoản 3 Điều 3 (để thực hiện);- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);- Văn phòng Chính phủ;- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);- Tổng cục Hải quan (để phối hợp);- Công báo;- Lưu VP, Vụ PC, Vụ QLNH. | **THỐNG ĐỐC** |